



**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN
AUDITING AND CONSULTING CO., LTD**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
QUÍ 1 CỦA NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC
NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2010**

**CÔNG TY CỔ PHẦN
XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN
CỬU LONG AN GIANG**

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 - 4
3. Báo cáo kiểm toán	5
4. Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại ngày 31 tháng 3 năm 2010	6 - 9
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ Quý 1 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010	10
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ Quý 1 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010	11 - 12
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính Quý 1 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010	13 - 27
8. Phụ lục	28

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất quý 1 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 bao gồm Báo cáo tài chính Công ty Cổ phần xuất nhập khẩu thủy sản Cửu Long An Giang và Công ty TNHH một thành viên chế biến thức ăn thủy sản Cửu Long An Giang (gọi chung là Tập đoàn) đã được kiểm toán.

Khái quát về Tập đoàn

Công ty mẹ

Công ty Cổ phần xuất nhập khẩu thủy sản Cửu Long An Giang tiền thân là Công ty TNHH xuất nhập khẩu thủy sản Cửu Long An Giang hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 5203000065 ngày 17 tháng 4 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh An Giang cấp.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh:

	Vốn góp (VND)	Tỷ lệ (%)
Cổ đông		
Trần Văn Nhân	11.110.000.000	12,3
Trần Thị Vân Loan	6.690.000.000	7,43
Trần Tuấn Khanh	4.500.000.000	5,00
Cổ đông khác	67.700.000.000	75,23
Cộng	90.000.000.000	100,00

Trụ sở hoạt động

Địa chỉ : 90 Hùng Vương, khóm Mỹ Thọ, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang
Điện thoại : (076) 3.931.000 – 3.932.821
Fax : (076) 3.932.446
E-mail : clfish@vnn.vn
Website : www.clfish.com
Mã số thuế : 1600680398

Hoạt động chính của Công ty là:

- Chế biến, bảo quản thủy sản và sản phẩm từ thủy sản.
- Mua bán cá và thủy sản.
- Mua bán hóa chất, dụng cụ dùng trong sản xuất và chế biến thủy sản.
- Nuôi trồng thủy sản.
- Mua bán nông sản (nếp, gạo, hạt điều,...).
- Mua bán thực phẩm (đậu nành, đậu bắp, rau quả,... đông lạnh).
- Sản xuất bao bì.
- Mua bán các loại nguyên liệu, vật tư trong ngành bao bì.
- Chế biến thức ăn thủy sản.
- Mua bán nguyên liệu, vật tư phục vụ chăn nuôi thủy sản (cám bã đậu nành, bột cá, bột xương thịt, vitamin).
- Đầu tư cơ sở hạ tầng khu công nghiệp, khu du lịch, khách sạn, cao ốc văn phòng.
- Chế biến thức ăn gia súc.



CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Công ty con

Tên công ty	Địa chỉ	Lĩnh vực kinh doanh	Tỷ lệ phần sở hữu
Công ty TNHH một thành viên chế biến thức ăn thủy sản Cửu Long An Giang	90 Hùng Vương, khóm Mỹ Thọ, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang	Sản xuất, thương mại, dịch vụ	100%

Tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh

Tình hình tài chính tại thời điểm ngày 31 tháng 3 năm 2010, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ quý 1 của năm tài chính kết thúc cùng ngày của Tập đoàn được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm báo cáo này (từ trang 06 đến trang 28).

Sự kiện sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần xuất nhập khẩu thủy sản Cửu Long An Giang khẳng định không có sự kiện nào xảy ra sau ngày 31 tháng 3 năm 2010 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Thành viên Hội đồng quản trị và Ban điều hành của Công ty Cổ phần xuất nhập khẩu thủy sản Cửu Long An Giang trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo hợp nhất này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Trần Văn Nhân	Chủ tịch	09 tháng 4 năm 2007	-
Trần Thị Vân Loan	Thành viên	09 tháng 4 năm 2007	-
Trần Tuấn Khanh	Thành viên	09 tháng 4 năm 2007	-
Trần Minh Nhựt	Thành viên	31 tháng 3 năm 2008	-
Trần Tuấn Nam	Thành viên	31 tháng 3 năm 2008	-

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Trần Chí Thiện	Trưởng ban	09 tháng 4 năm 2007	-
Nguyễn Văn Tới	Thành viên	09 tháng 4 năm 2007	-
Phạm Thị Hồng Ngọc	Thành viên	31 tháng 3 năm 2008	-

Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Trần Thị Vân Loan	Tổng Giám đốc	13 tháng 11 năm 2007	-
Trần Tuấn Khanh	Phó Tổng Giám đốc	18 tháng 10 năm 2007	-
Nguyễn Xuân Hải	Phó Tổng Giám đốc	13 tháng 11 năm 2007	-

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn (A&C) đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Xác nhận của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần xuất nhập khẩu thủy sản Cửu Long An Giang chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Tập đoàn trong từng năm tài chính. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Công bố các chuẩn mực kế toán phải tuân theo trong các vấn đề trọng yếu được công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo rằng, Công ty cổ phần xuất nhập khẩu thủy sản Cửu Long An Giang đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ; các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Tập đoàn và Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được lập tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành.

Chúng tôi, các thành viên của Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần xuất nhập khẩu thủy sản Cửu Long An Giang xác nhận rằng, Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã được lập một cách đúng đắn, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 3 năm 2010, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ quý 1 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 của Tập đoàn, đồng thời phù hợp với các Chuẩn mực, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các qui định pháp lý có liên quan.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,



Trần Thị Vân Loan
Tổng Giám đốc

Ngày 11 tháng 5 năm 2010





CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.

www.auditconsult.com.vn

Headquarters
Branch in Hanoi
Branch in Nha Trang-Khanh Hoa
Branch in Can Tho

: 229 Dong Khoi St., District 1, Hochiminh City
: 40 Giang Vo St., Dong Da District, Ha Noi City
: 18 Tran Khanh Du St., Nha Trang City
: 162C/4 Tran Ngoc Que St., Ninh Kieu District, Can Tho City

- Tel: (08) 38272 295 - Fax: (84-8) 38272 300
- Tel: (04) 37367 879 - Fax: (84-4) 37367 869
- Tel: (058) 3876 555 - Fax: (84-58) 3875 327
- Tel: (071) 3764 995 - Fax: (84-71) 3764 996

Số: 0600/2010/BCTC-KTTV

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÍ 1 CỦA NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2010 CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG

Kính gửi: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ CÁC CỔ ĐÔNG

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất quý 1 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 của Công ty Cổ phần xuất nhập khẩu thủy sản Cửu Long An Giang và Công ty TNHH một thành viên chế biến thức ăn thủy sản Cửu Long An Giang (gọi chung là Tập đoàn) gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại thời điểm ngày 31 tháng 3 năm 2010, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất quý 1 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010, được lập ngày 08 tháng 4 năm 2010, từ trang 06 đến trang 28 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần xuất nhập khẩu thủy sản Cửu Long An Giang. Trách nhiệm của Kiểm toán viên là đưa ra ý kiến về các báo cáo này dựa trên kết quả công việc kiểm toán.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, kiểm tra các bằng chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ; đánh giá việc tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Tổng Giám đốc cũng như cách trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Chúng tôi tin rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đề cập đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Tập đoàn tại thời điểm ngày 31 tháng 3 năm 2010, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ quý 1 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010, phù hợp với các Chuẩn mực, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Không phù nhận ý kiến nêu trên, chúng tôi chỉ xin lưu ý đến người đọc Báo cáo tài chính rằng, dự án đầu tư mở rộng nhà máy chế biến thủy sản xuất khẩu đã được hoàn thành và đưa vào hoạt động trong năm 2009. Theo Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư số 02/CN.UB, ngày 10 tháng 01 năm 2005 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang thì dự án đầu tư mở rộng này sẽ được hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên phần thu nhập tăng thêm. Khoản ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp của phần thu nhập tăng thêm này chưa được tính trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2009. Hiện tại, Công ty đang chờ Cơ quan thuế thực hiện việc kiểm tra quyết toán thuế năm 2009 để xác định số thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn, giảm từ dự án đầu tư mở rộng này.

Báo cáo được lập bằng tiếng Việt và Anh có giá trị như nhau. Bản tiếng Việt là bản gốc khi cần đối chiếu.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn (A&C)



Nguyễn Minh Trí - Phó Tổng Giám đốc
Chứng chỉ kiểm toán viên số: Đ.0089/KTV

Nguyễn Hữu Danh - Kiểm toán viên
Chứng chỉ kiểm toán viên số: 1242/KTV

TP. Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 5 năm 2010

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG

Địa chỉ: 90 Hùng Vương, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 1 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

Tại ngày 31 tháng 3 năm 2010

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối quý	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		428.146.876.447	450.549.463.167
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		6.658.697.534	63.657.269.847
1. Tiền	111	V.1	6.658.697.534	63.657.269.847
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	35.878.411.800
1. Đầu tư ngắn hạn	121		-	35.878.411.800
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		298.898.566.670	231.703.243.763
1. Phải thu khách hàng	131	V.2	227.006.482.508	203.479.555.536
2. Trả trước cho người bán	132	V.3	70.289.638.586	27.306.849.247
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135	V.4	1.602.445.576	916.838.980
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		117.027.210.848	112.693.900.367
1. Hàng tồn kho	141	V.5	117.027.210.848	112.693.900.367
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		5.562.401.395	6.616.637.390
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.6	658.762.983	800.903.143
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		4.767.519.556	5.660.909.578
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		-	-
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.7	136.118.856	154.824.669

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG

Địa chỉ: 90 Hùng Vương, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý I của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

TÀI SẢN		Mã số	Thuyết minh	Số cuối quý	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN		200		162.171.593.090	163.394.929.830
I. Các khoản phải thu dài hạn		210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng		211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc		212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ		213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác		218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi		219		-	-
II. Tài sản cố định		220		146.841.160.093	147.944.079.459
1. Tài sản cố định hữu hình		221	V.8	124.638.907.230	127.004.529.580
<i>Nguyên giá</i>		222		146.129.875.815	145.741.875.815
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>		223		(21.490.968.585)	(18.737.346.235)
2. Tài sản cố định thuê tài chính		224		-	-
<i>Nguyên giá</i>		225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>		226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình		227		-	-
<i>Nguyên giá</i>		228		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>		229		-	-
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		230	V.9	22.202.252.863	20.939.549.879
III. Bất động sản đầu tư		240		-	-
<i>Nguyên giá</i>		241		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>		242		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn		250		12.000.000.000	12.000.000.000
1. Đầu tư vào công ty con		251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh		252		-	-
3. Đầu tư dài hạn khác		258	V.10	12.000.000.000	12.000.000.000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		259		-	-
V. Tài sản dài hạn khác		260		1.175.501.587	1.236.608.922
1. Chi phí trả trước dài hạn		261	V.11	609.956.514	677.696.849
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại		262	V.12	361.561.073	361.561.073
3. Tài sản dài hạn khác		268	V.13	203.984.000	197.351.000
V.I Lợi thế thương mại		269		2.154.931.410	2.214.241.449
TỔNG CỘNG TÀI SẢN		270		590.318.469.537	613.944.392.997

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG

Địa chỉ: 90 Hùng Vương, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 1 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

NGUỒN VỐN		Mã số	Thuyết minh	Số cuối quý	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ		300		393.754.567.748	444.050.274.467
I. Nợ ngắn hạn		310		361.376.171.601	411.664.253.070
1. Vay và nợ ngắn hạn		311	V.14	275.069.980.617	315.744.222.748
2. Phải trả người bán		312	V.15	55.330.927.970	69.119.038.613
3. Người mua trả tiền trước		313	V.16	752.135.368	1.395.960.300
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước		314	V.17	9.765.277.142	6.943.712.811
5. Phải trả người lao động		315	V.18	5.023.712.765	6.868.143.424
6. Chi phí phải trả		316	V.19	7.589.046.281	3.615.610.727
7. Phải trả nội bộ		317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng		318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác		319	V.20	364.362.181	117.936.525
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn		320		-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		323	V.21	7.480.729.277	7.859.627.922
II. Nợ dài hạn		330		32.378.396.147	32.386.021.397
1. Phải trả dài hạn người bán		331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ		332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác		333		-	-
4. Vay và nợ dài hạn		334	V.22	32.136.144.722	32.136.144.722
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả		335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm		336	V.23	242.251.425	249.876.675
7. Dự phòng phải trả dài hạn		337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện		338		-	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ		339		-	-
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU		400		196.563.901.789	169.894.118.530
I. Vốn chủ sở hữu		410		196.563.901.789	169.894.118.530
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		411	V.24	90.000.000.000	90.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần		412		-	-
3. Vốn khác của chủ sở hữu		413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ		414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản		415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái		416	V.24	4.062.904.053	1.057.228.629
7. Quỹ đầu tư phát triển		417	V.24	3.202.055.121	3.202.055.121
8. Quỹ dự phòng tài chính		418	V.24	8.005.137.804	8.005.137.804
9. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		420	V.24	91.293.804.811	67.629.696.976
10. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản		421		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác		430		-	-
1. Nguồn kinh phí		432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định		433		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		440		590.318.469.537	613.944.392.997

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG

Địa chỉ: 90 Hùng Vương, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

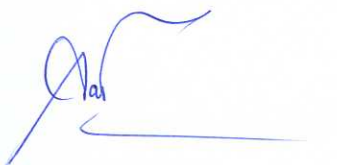
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 1 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối quý	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài			-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công			-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược			-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý			-	-
5. Ngoại tệ các loại:				
- EURO			100,03	-
- USD			183.741,77	5.438.919,77
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án			-	-



Nguyễn Thị Bích Vân
Kế toán trưởng



An Giang, ngày 08 tháng 4 năm 2010

Trần Thị Vân Loan
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG

Địa chỉ: 90 Hùng Vương, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý I của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010


BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

Quý I của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý I		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	252.782.267.770	122.932.286.936	252.782.267.770	122.932.286.936
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.1	737.826.037	1.489.910.650	737.826.037	1.489.910.650
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	252.044.441.733	121.442.376.286	252.044.441.733	121.442.376.286
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	204.395.522.133	105.523.736.641	204.395.522.133	105.523.736.641
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		47.648.919.600	15.918.639.645	47.648.919.600	15.918.639.645
6. Doanh thu tài chính	21	VI.3	10.031.880.613	4.840.725.755	10.031.880.613	4.840.725.755
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	9.331.638.892	6.897.707.674	9.331.638.892	6.897.707.674
Trong đó: chi phí lãi vay	23		9.175.260.230	4.810.204.931	2.267.173.881	4.810.204.931
8. Chi phí bán hàng	24	VI.5	16.717.101.128	8.695.065.872	16.717.101.128	8.695.065.872
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.6	5.258.762.082	2.570.484.162	5.258.762.082	2.570.484.162
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		26.373.298.111	2.596.107.692	26.373.298.111	2.596.107.692
11. Thu nhập khác	31	VI.7	589.732.967	1	589.732.967	1
12. Chi phí khác	32	VI.8	259.964.700	61.123.715	259.964.700	61.123.715
13. Lợi nhuận khác	40		329.768.267	(61.123.714)	329.768.267	(61.123.714)
14. Phần lợi nhuận hoặc lỗ trong công ty liên kết liên doanh	45		-	-	-	-
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		26.703.066.378	2.534.983.978	26.703.066.378	2.534.983.978
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.18	3.038.958.543	1.203.083.217	3.038.958.543	1.203.083.217
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	VI.9	-	(606.350.527)	-	(606.350.527)
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>23.664.107.835</u>	<u>1.938.251.288</u>	<u>23.664.107.835</u>	<u>1.938.251.288</u>
18.1 Lợi ích của cổ đông thiểu số	61		-	-	-	-
18.2 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	62		<u>23.664.107.835</u>	<u>1.938.251.288</u>	<u>23.664.107.835</u>	<u>1.938.251.288</u>
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10	<u>2.629</u>	<u>215</u>	<u>2.629</u>	<u>215</u>


 Nguyễn Thị Bích Vân
 Kế toán trưởng

An Giang, ngày 08 tháng 4 năm 2010

 Trần Thị Vân Loan
 Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG

Địa chỉ: 90 Hùng Vương, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 1 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

(Theo phương pháp gián tiếp)

Quý 1 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		26.703.066.378	2.534.983.978
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định	02		2.797.046.807	1.219.559.974
- Các khoản dự phòng	03		-	-
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		-	2.076.394.242
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(1.136.705.519)	(905.018.005)
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	9.175.260.230	4.810.204.931
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		37.538.667.896	9.736.125.120
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(65.372.494.309)	19.124.166.044
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(4.333.310.481)	7.628.427.083
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(11.837.832.176)	(11.046.939.675)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		209.880.495	63.237.308
- Tiền lãi vay đã trả	13		(9.367.389.153)	(4.802.163.868)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(235.866.555)	-
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		-	169.540
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(378.898.645)	(392.010.168)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(53.777.242.928)	20.311.011.384
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	V.8, V.9	(1.634.817.402)	(19.519.203.702)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		35.652.435.100	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		502.390.482	951.965.671
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		34.520.008.180	(18.567.238.031)

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG

Địa chỉ: 90 Hùng Vương, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 1 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	V.14, 22	259.911.115.485	262.084.899.314
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	V.14, 22	(298.523.611.572)	(279.054.508.635)
5. Tiền chi trả nợ thuế tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(38.612.496.087)	(16.969.609.321)
Lưu chuyển tiền thuần trong quý	50		(57.869.730.835)	(15.225.835.968)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	63.657.269.847	18.808.362.149
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		871.158.522	453.173.610
Tiền và tương đương tiền cuối quý	70	V.1	6.658.697.534	4.035.699.791



Nguyễn Thị Bích Vân
Kế toán trưởng



An Giang, ngày 08 tháng 4 năm 2010

Trần Thị Vân Loan
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG

Địa chỉ: 90 Hùng Vương, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 1 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 1 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần xuất nhập khẩu thủy sản Cửu Long An Giang cho quý 1 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 bao gồm Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty Cổ phần xuất nhập khẩu thủy sản Cửu Long An Giang và Công ty TNHH một thành viên chế biến thức ăn thủy sản Cửu Long An Giang (gọi chung là Tập đoàn).

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA TẬP ĐOÀN

- Hình thức sở hữu vốn** : Công ty cổ phần
- Lĩnh vực kinh doanh** : Sản xuất - chế biến.
- Ngành nghề kinh doanh** : Chế biến, bảo quản thủy sản và sản phẩm từ thủy sản. Mua bán cá và thủy sản.
- Tổng số các công ty con** : 1
- Danh sách các công ty con được hợp nhất**

<i>Tên công ty</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Tỷ lệ lợi ích</i>	<i>Quyền biểu quyết</i>
Công ty TNHH một thành viên chế biến thức ăn thủy sản Cửu Long An Giang	90 Hùng Vương, khóm Mỹ Thọ, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang	100%	100%

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

- Năm tài chính**
Năm tài chính của các Công ty trong Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.
- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

- Chế độ kế toán áp dụng**
Báo cáo tài chính hợp nhất được lập theo Chuẩn mực và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam.
- Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**
Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần xuất nhập khẩu thủy sản Cửu Long An Giang đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập các Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.
- Hình thức kế toán áp dụng**
Các Công ty trong Tập đoàn sử dụng hình thức kế toán nhật ký chung.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG

Địa chỉ: 90 Hùng Vương, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 1 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày theo nguyên tắc giá gốc ngoại trừ việc đánh giá lại các tài sản dài hạn.

2. Cơ sở hợp nhất

Các công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi đánh giá quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng hiện đang có hiệu lực hay sẽ được chuyển đổi.

Kết quả hoạt động kinh doanh của công ty con sẽ được đưa vào Báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày mua, là ngày công ty mẹ thực sự nắm quyền kiểm soát công ty con. Kết quả hoạt động kinh doanh của công ty con bị thanh lý được đưa vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho tới ngày thanh lý.

Chênh lệch giữa chi phí đầu tư và phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị hợp lý của tài sản thuần có thể xác định được của công ty con tại ngày mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Lợi thế thương mại được phân bổ vào chi phí trong 10 năm.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các đơn vị trong cùng Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

3. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

4. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

5. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG

Địa chỉ: 90 Hùng Vương, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 1 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn dưới 1 năm.
- 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
- 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
- 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.

6. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	5 – 20
Máy móc và thiết bị	5 – 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	5 – 10

7. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí trong kỳ. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

8. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào chứng khoán được ghi nhận theo giá gốc. Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường giảm so với giá đang hạch toán trên sổ sách.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí trong kỳ.

9. Chi phí trả trước dài hạn

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí trong kỳ theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 2 năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG

Địa chỉ: 90 Hùng Vương, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 1 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

10. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng trong kỳ.

11. Nguồn vốn kinh doanh - quỹ

Nguồn vốn kinh doanh của Tập đoàn là vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông công ty mẹ.

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ của từng Công ty.

12. Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả trong kỳ cổ tức được công bố.

13. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty Cổ phần xuất nhập khẩu thủy sản Cửu Long An Giang nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất 20% đối với thu nhập từ hoạt động sản xuất kinh doanh chính. Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp cho thu nhập khác là 25%.

Công ty Cổ phần xuất nhập khẩu thủy sản Cửu Long An Giang được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 02 năm đầu kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% trong 04 năm tiếp theo cho hoạt động sản xuất kinh doanh chính. Năm 2009 công ty đã đưa vào hoạt động nhà máy chế biến thủy sản mới do đầu tư mở rộng được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 02 năm và giảm 50% trong 05 năm tiếp theo đối với phần thu nhập tăng thêm.

Ngoài ra, Công ty Cổ phần xuất nhập khẩu thủy sản Cửu Long An Giang còn được hưởng thêm ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp như sau: được giảm 20% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cho phần thu nhập có được do doanh thu xuất khẩu đạt tỷ trọng trên 50% tổng doanh thu.

Theo Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư lần đầu số 52121000096 của Ủy ban Nhân dân tỉnh An Giang ngày 28 tháng 11 năm 2007 và thay đổi lần 01 của Ban quản lý các Khu công nghiệp tỉnh An Giang ngày 21 tháng 02 năm 2008, Công ty TNHH một thành viên chế biến thức ăn thủy sản Cửu Long An Giang áp dụng thuế suất 15% trên thu nhập chịu thuế trong thời gian 12 năm. Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 03 năm đầu kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% trong 07 năm tiếp theo.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất áp dụng tại ngày cuối kỳ. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG

Địa chỉ: 90 Hùng Vương, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 1 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

14. Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trong kỳ.

Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được quy đổi theo tỷ giá tại ngày cuối kỳ. Việc xử lý chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ cuối kỳ được thực hiện theo hướng dẫn của Thông tư 201/2009/TT-BTC ngày 15 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài chính. Cụ thể như sau:

- Chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư cuối kỳ của tiền và các khoản nợ ngắn hạn có gốc ngoại tệ được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán (chỉ tiêu Chênh lệch tỷ giá hối đoái) và được ghi bút toán ngược lại để xóa số dư vào đầu kỳ sau.
- Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản nợ dài hạn có gốc ngoại tệ cuối kỳ được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trong kỳ. Tuy nhiên, nếu việc ghi nhận chênh lệch tỷ giá hối đoái của các khoản nợ phải trả dài hạn làm cho kết quả kinh doanh của Công ty bị lỗ thì một phần chênh lệch tỷ giá được phân bổ cho năm sau để Công ty không bị lỗ nhưng khoản lỗ chênh lệch tỷ giá ghi nhận vào chi phí trong năm ít nhất phải bằng chênh lệch tỷ giá của số dư ngoại tệ dài hạn phải trả trong năm đó. Khoản lỗ chênh lệch tỷ giá còn lại sẽ được phân bổ vào chi phí cho các năm sau với thời gian tối đa không quá 5 năm.

Tỷ giá quy đổi : Ngày 31/12/2009 : 17.941 VND/USD

Ngày 31/03/2010 : 18.544 VND/USD

15. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Khi bán hàng hóa, thành phẩm doanh thu được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu hàng hóa đó được chuyển giao cho người mua và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Khi cung cấp dịch vụ, doanh thu được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày kết thúc năm tài chính.

Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch và doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất từng kỳ. Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

16. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

Thông tin về các bên liên quan được trình bày tại thuyết minh VII.1.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG

Địa chỉ: 90 Hùng Vương, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 1 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ****1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<u>Số cuối quý</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	1.545.526.842	1.042.871.876
Tiền gửi ngân hàng	5.113.170.692	62.614.397.971
Cộng	6.658.697.534	63.657.269.847

2. Phải thu khách hàng

	<u>Số cuối quý</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tại Công ty Cổ phần xuất nhập khẩu thủy sản Cửu Long An Giang	227.006.482.508	203.479.555.536
Tại Công ty TNHH một thành viên chế biến thức ăn thủy sản Cửu Long An Giang	-	-
Cộng	227.006.482.508	203.479.555.536

3. Trả trước người bán

	<u>Số cuối quý</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tại Công ty Cổ phần xuất nhập khẩu thủy sản Cửu Long An Giang	60.161.172.396	17.178.383.057
Tại Công ty TNHH một thành viên chế biến thức ăn thủy sản Cửu Long An Giang	10.128.466.190	10.128.466.190
Cộng	70.289.638.586	27.306.849.247

4. Các khoản phải thu khác

	<u>Số cuối quý</u>	<u>Số đầu năm</u>
Lãi tiền gửi ngân hàng	651.844.000	730.066.499
Lãi ứng trước tiền cá nguyên liệu	809.077.536	96.540.000
Các khoản phải thu khác	141.524.040	90.232.481
Cộng	1.602.445.576	916.838.980

5. Hàng tồn kho

	<u>Số cuối quý</u>	<u>Số đầu năm</u>
Nguyên liệu, vật liệu	652.507.406	366.056.599
Công cụ, dụng cụ	5.477.684.564	4.659.188.005
Thành phẩm	100.487.966.957	94.113.579.313
Hàng gửi đi bán	10.409.051.921	13.555.076.450
Cộng	117.027.210.848	112.693.900.367

6. Chi phí trả trước ngắn hạn

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Tăng trong kỳ</u>	<u>Kết chuyển vào chi phí SXKD trong kỳ</u>	<u>Số cuối quý</u>
Chi phí sửa chữa	-	302.282.729	(161.288.473)	140.994.256
Chi phí bảo hiểm	53.676.440	-	(34.588.182)	19.088.258
Công cụ dụng cụ	747.226.703	100.100.000	(348.646.234)	498.680.469
Cộng	800.903.143	402.382.729	(544.522.889)	658.762.983

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG

Địa chỉ: 90 Hùng Vương, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 1 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

7. Tài sản ngắn hạn khác

Các khoản tạm ứng cho nhân viên.

8. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	51.188.927.619	90.735.894.443	2.601.981.426	1.215.072.327	145.741.875.815
Tăng trong kỳ	-	388.000.000	-	-	388.000.000
Mua sắm mới	-	388.000.000	-	-	388.000.000
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
Số cuối quý	<u>51.188.927.619</u>	<u>91.123.894.443</u>	<u>2.601.981.426</u>	<u>1.215.072.327</u>	<u>146.129.875.815</u>
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	4.105.922.362	13.433.519.485	687.218.046	510.686.342	18.737.346.235
Khấu hao trong kỳ	541.778.199	2.101.685.225	66.963.996	43.194.930	2.753.622.350
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
Số cuối quý	<u>4.647.700.561</u>	<u>15.535.204.710</u>	<u>754.182.042</u>	<u>553.881.272</u>	<u>21.490.968.585</u>
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	<u>47.083.005.257</u>	<u>77.302.374.958</u>	<u>1.914.763.380</u>	<u>704.385.985</u>	<u>127.004.529.580</u>
Số cuối quý	<u>46.541.227.058</u>	<u>75.588.689.733</u>	<u>1.847.799.384</u>	<u>661.191.055</u>	<u>124.638.907.230</u>

Toàn bộ tài sản cố định hữu hình đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của các Ngân hàng.

9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong kỳ	Kết chuyển vào TSCĐ trong kỳ	Số cuối quý
Mua sắm TSCĐ	924.527.240	-	-	924.527.240
XDCB dở dang	20.015.022.639	1.262.702.984	-	21.277.725.623
Sửa chữa lớn TSCĐ	-	-	-	-
Số cuối quý	<u>20.939.549.879</u>	<u>1.262.702.984</u>	<u>-</u>	<u>22.202.252.863</u>

10. Đầu tư dài hạn khác

	Số cuối quý	Số đầu năm
Mua cổ phiếu của Công ty Cổ phần Tô Châu	3.600.000.000	3.600.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn trên 1 năm	8.400.000.000	8.400.000.000
Cộng	<u>12.000.000.000</u>	<u>12.000.000.000</u>

Khoản tiền gửi có kỳ hạn trên 1 năm đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay tại Chi nhánh Ngân hàng Phát triển An Giang.

11. Chi phí trả trước dài hạn

	Công cụ, dụng cụ
Số đầu năm	677.696.849
Tăng trong kỳ	47.000.000
Kết chuyển vào chi phí SXKD trong kỳ	(114.740.335)
Số cuối quý	<u>609.956.514</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG

Địa chỉ: 90 Hùng Vương, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 1 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**12. Tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại**

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời chưa được khấu trừ. Chi tiết phát sinh trong kỳ như sau:

Số đầu năm	361.561.073
Phát sinh trong kỳ	-
Số cuối quý	361.561.073

13. Tài sản dài hạn khác

	Số cuối quý	Số đầu năm
Ký quỹ, ký cược dài hạn	203.984.000	197.351.000
Cộng	203.984.000	197.351.000

14. Vay và nợ ngắn hạn

	Số cuối quý	Số đầu năm
Vay ngắn hạn ngân hàng	264.432.672.113	300.497.156.172
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – Chi nhánh An Giang ^(a)	118.883.307.746	81.829.031.901
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh An Giang ^(b)	103.738.075.661	99.954.270.771
Chi nhánh Ngân hàng Phát triển An Giang	-	32.370.000.000
Ngân hàng Thương mại Cổ phần xuất nhập khẩu - Chi nhánh An Giang	-	36.423.853.500
Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC Việt Nam ^(c)	41.811.288.706	49.920.000.000
Vay dài hạn đến hạn trả	10.637.308.504	15.247.066.576
Cộng	275.069.980.617	315.744.222.748

(a) Khoản vay Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – Chi nhánh An Giang với lãi suất theo từng thời điểm nhận nợ, để mua nguyên liệu và chi phí chế biến thủy sản. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản là quyền sở hữu công trình xây dựng nhà máy chế biến thủy sản của Công ty.

(b) Khoản vay Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh An Giang với lãi suất thỏa thuận theo từng Hợp đồng tín dụng ngắn hạn cụ thể, để bổ sung vốn lưu động. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản là máy móc thiết bị.

(c) Khoản vay Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC Việt Nam với lãi suất tại thời điểm nhận nợ, để thực hiện phương án sản xuất kinh doanh mặt hàng xuất khẩu. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp quyền nhận toàn bộ các khoản thanh toán phát sinh từ các hợp đồng mua bán và tổng giá trị các tài sản thế chấp tại mọi thời điểm không thấp hơn 50 tỷ VND.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn như sau:

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong kỳ	Chênh lệch tỷ giá cuối kỳ	Số tiền vay đã trả trong kỳ	Số cuối quý
Vay ngắn hạn ngân hàng	300.497.156.172	259.911.115.485	(2.061.746.044)	(293.913.853.500)	264.432.672.113
Vay dài hạn đến hạn trả	15.247.066.576	-	-	(4.609.758.072)	10.637.308.504
Cộng	315.744.222.748	259.911.115.485	(2.061.746.044)	(298.523.611.572)	275.069.980.617

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG

Địa chỉ: 90 Hùng Vương, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 1 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**15. Phải trả người bán**

	<u>Số cuối quý</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tại Công ty Cổ phần xuất nhập khẩu thủy sản Cửu Long An Giang	55.330.927.970	69.119.038.613
Tại Công ty TNHH một thành viên chế biến thức ăn thủy sản Cửu Long An Giang	-	-
Cộng	<u>55.330.927.970</u>	<u>69.119.038.613</u>

16. Người mua trả tiền trước

	<u>Số cuối quý</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tại Công ty Cổ phần xuất nhập khẩu thủy sản Cửu Long An Giang	752.135.368	1.395.960.300
Tại Công ty TNHH một thành viên chế biến thức ăn thủy sản Cửu Long An Giang	-	-
Cộng	<u>752.135.368</u>	<u>1.395.960.300</u>

17. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số phải nộp trong kỳ</u>	<u>Số đã nộp trong kỳ</u>	<u>Số cuối quý</u>
Thuế GTGT hàng bán nội địa	-	-	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	6.919.024.761	3.038.958.543	(235.866.555)	9.722.116.749
Thuế thu nhập cá nhân	22.840.150	65.174.741	(44.854.498)	43.160.393
Các loại thuế khác	1.847.900	14.643.198	(16.491.098)	-
Cộng	<u>6.943.712.811</u>	<u>3.118.776.482</u>	<u>(297.212.151)</u>	<u>9.765.277.142</u>

18. Phải trả người lao động

Lương phải trả cho nhân viên.

19. Chi phí phải trả

	<u>Số cuối quý</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí hoa hồng	2.361.688.394	2.995.637.046
Chi phí cước tàu và phí chứng từ	2.970.659.655	-
Chi phí lãi vay	187.881.708	380.010.631
Chi phí gia công	1.310.179.500	-
Chi phí vi sinh	184.650.000	224.667.239
Chi phí vận chuyển	469.883.360	-
Chi phí thuê đất	35.881.125	-
Chi phí lưu kho	54.722.312	-
Chi phí DHL	13.500.227	-
Chi phí điện thoại	-	15.295.811
Cộng	<u>7.589.046.281</u>	<u>3.615.610.727</u>

20. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	<u>Số cuối quý</u>	<u>Số đầu năm</u>
Kinh phí công đoàn	102.737.807	99.949.021
Bảo hiểm xã hội	214.039.694	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	47.584.680	17.987.504
Cộng	<u>364.362.181</u>	<u>117.936.525</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG

Địa chỉ: 90 Hùng Vương, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 1 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**21. Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

	Số đầu năm	Tăng do trích lập từ lợi nhuận	Chi quỹ trong kỳ	Số cuối quý
Quỹ khen thưởng	5.306.110.265	-	(191.104.100)	5.115.006.165
Quỹ phúc lợi	1.288.030.961	-	(59.894.545)	1.228.136.416
Quỹ thưởng Ban điều hành	1.265.486.696	-	(127.900.000)	1.137.586.696
Cộng	7.859.627.922	-	(378.898.645)	7.480.729.277

22. Vay và nợ dài hạn

	Số cuối quý	Số đầu năm
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – Chi nhánh An Giang ^(*)	32.136.144.722	32.136.144.722
Cộng	32.136.144.722	32.136.144.722

- (*) Khoản vay Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – Chi nhánh An Giang với lãi suất 12%/năm, để bổ sung vốn trung dài hạn xây dựng phân xưởng 2 nhà máy chế biến thủy sản. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay dài hạn ngân hàng như sau:

Số đầu năm	32.136.144.722
Số tiền vay phát sinh trong kỳ	-
Số kết chuyển	-
Số tiền vay đã trả trong kỳ	-
Số cuối quý	32.136.144.722

23. Dự phòng trợ cấp mất việc làm

Số đầu năm	249.876.675
Chi trong kỳ	(7.625.250)
Số cuối quý	242.251.425

24. Vốn chủ sở hữu**Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở Phụ lục đính kèm.

Cổ phiếu

	Số cuối quý	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	9.000.000	9.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	9.000.000	9.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	9.000.000	9.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	9.000.000	9.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	9.000.000	9.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG

Địa chỉ: 90 Hùng Vương, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý I của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành 10.000 VND.

Mục đích trích lập quỹ đầu tư phát triển, quỹ dự phòng tài chính và quỹ khác thuộc nguồn vốn chủ sở hữu

Quỹ đầu tư phát triển được dùng để bổ sung vốn điều lệ của các Công ty.

Quỹ dự phòng tài chính được dùng để:

- Bù đắp những tổn thất, thiệt hại về tài sản, công nợ không đòi được xảy ra trong quá trình kinh doanh;
- Bù đắp khoản lỗ của các Công ty theo quyết định của Hội đồng quản trị.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Quý 1	
	Năm nay	Năm trước
Tổng doanh thu	252.782.267.770	122.932.286.936
- Doanh thu bán thành phẩm	222.102.726.713	114.797.608.840
- Doanh thu bán phụ phẩm	30.642.767.847	8.134.678.096
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	36.773.210	-
Khoản giảm trừ doanh thu:	(737.826.037)	(1.489.910.650)
- Hàng bán bị trả lại	-	(905.003.283)
- Giảm giá hàng bán	(737.826.037)	(584.907.367)
Doanh thu thuần	252.044.441.733	121.442.376.286
Trong đó:		
- Doanh thu thuần bán thành phẩm	221.364.900.676	113.307.698.190
- Doanh thu thuần bán phụ phẩm	30.642.767.847	8.134.678.096
- Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ	36.773.210	-

2. Giá vốn hàng bán

	Quý 1	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn hàng bán	204.395.522.133	105.523.736.641
Cộng	204.395.522.133	105.523.736.641

Giá vốn hàng bán trong kỳ là thành phẩm cung cấp, chi tiết như sau:

	Quý 1	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp	185.755.440.337	89.212.618.137
Chi phí nhân công trực tiếp	13.390.113.500	5.198.844.000
Chi phí sản xuất chung	8.478.331.411	3.466.687.499
Tổng chi phí sản xuất	207.623.885.248	97.878.149.636
Chênh lệch chi phí sản xuất dở dang	-	-
Tổng giá thành sản xuất	207.623.885.248	97.878.149.636

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG

Địa chỉ: 90 Hùng Vương, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 1 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Quý 1		
	Năm nay	Năm trước
Chênh lệch thành phẩm tồn kho	(6.374.387.644)	10.548.858.604
Chênh lệch hàng gửi đi bán	3.146.024.529	(2.903.271.599)
Giá vốn thành phẩm đã cung cấp	204.395.522.133	105.523.736.641
3. Doanh thu hoạt động tài chính		
Quý 1		
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi	1.029.723.103	302.587.512
Lãi cho vay	1.136.705.519	728.618.005
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	7.865.451.991	3.809.520.238
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	-
Cộng	10.031.880.613	4.840.725.755
4. Chi phí tài chính		
Quý 1		
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	9.175.260.230	4.810.204.931
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	156.378.662	11.108.501
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	2.076.394.242
Cộng	9.331.638.892	6.897.707.674
5. Chi phí bán hàng		
Quý 1		
	Năm nay	Năm trước
Chi phí vi sinh	709.218.717	332.156.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	16.007.882.411	8.362.909.872
Cộng	16.717.101.128	8.695.065.872
6. Chi phí quản lý doanh nghiệp		
Quý 1		
	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	3.386.129.867	1.621.102.735
Chi phí vật liệu quản lý	9.136.545	4.700.305
Chi phí công cụ văn phòng	146.740.128	19.333.919
Chi phí khấu hao tài sản cố định	203.309.163	114.100.732
Thuế, phí và lệ phí	38.881.125	3.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.196.444.695	630.600.723
Chi phí khác	278.120.559	177.645.748
Cộng	5.258.762.082	2.570.484.162

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG

Địa chỉ: 90 Hùng Vương, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 1 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**7. Thu nhập khác**

	Quý 1	
	Năm nay	Năm trước
Thu hỗ trợ lãi suất	589.732.967	-
Thu khác	-	1
Cộng	589.732.967	1

8. Chi phí khác

	Quý 1	
	Năm nay	Năm trước
Chi hỗ trợ	114.000.000	37.000.000
Chi nộp phạt	-	182.991
Chi mua quà biếu	83.535.000	-
Chi phí không chứng từ	62.429.700	23.940.724
Cộng	259.964.700	61.123.715

9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

	Quý 1	
	Năm nay	Năm trước
Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	-	(613.547.633)
Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế	-	7.197.106
Cộng	-	(606.350.527)

10. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	23.664.107.835	1.938.251.288
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	23.664.107.835	1.938.251.288
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	9.000.000	9.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.629	215



CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG

Địa chỉ: 90 Hùng Vương, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 1 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch với các bên liên quan

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt của Công ty Cổ phần xuất nhập khẩu thủy sản Cửu Long An Giang phát sinh trong kỳ như sau:

Quý 1		
	Năm nay	Năm trước
Tiền lương	354.718.500	340.408.600
Phụ cấp	49.353.800	-
Tiền thưởng	-	-
Cộng	404.072.300	340.408.600

2. Thuê hoạt động

Công ty Cổ phần xuất nhập khẩu thủy sản Cửu Long An Giang thuê đất dưới hình thức thuê hoạt động. Các hợp đồng thuê có hiệu lực trong 50 năm và có khả năng được gia hạn thêm. Chi phí thuê được điều chỉnh tăng lên hàng năm theo giá đất do Ủy ban Nhân dân tỉnh công bố. Tại ngày 31 tháng 3 năm 2010, tổng số tiền thuê đất tối thiểu trong tương lai của các hợp đồng thuê hoạt động sẽ được thanh toán như sau:

	Số cuối quý	Số đầu năm
Từ 1 năm trở xuống	75.015.472	75.015.472
Trên 1 năm đến 5 năm	1.006.654.432	1.006.654.432
Trên 5 năm	11.445.420.784	11.445.420.784
Cộng	12.527.090.688	12.527.090.688

Ngoài ra, Công ty TNHH một thành viên chế biến thức ăn thủy sản Cửu Long An Giang có thuê đất của Sở Tài nguyên và Môi trường Tỉnh An Giang theo các Hợp đồng thuê đất số 14/HĐ.TĐ ngày 06 tháng 6 năm 2008 với mức 0,3 USD/m²/năm trên diện tích đất thuê là 42.945,3 m² trong thời gian 50 năm và Hợp đồng thuê đất số 15/HĐ.TĐ ngày 04 tháng 7 năm 2008 với mức 0,3 USD/m²/năm trên diện tích đất thuê là 48.545,3 m² trong thời gian 49 năm. Theo Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư số 52121000096 ngày 28 tháng 11 năm 2007 của Ủy ban Nhân dân Tỉnh An Giang, Công ty TNHH một thành viên chế biến thức ăn thủy sản Cửu Long An Giang được miễn tiền thuê đất 11 năm, kể từ khi xây dựng hoàn thành đưa dự án vào hoạt động.

3. Thông tin so sánh

Ngày 31 tháng 12 năm 2009 Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 244/2009/TT-BTC hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Chế độ kế toán doanh nghiệp liên quan đến các vấn đề sau: đơn vị tiền tệ trong kế toán; hướng dẫn thực hiện chế độ kế toán cho nhà thầu nước ngoài; hướng dẫn sửa đổi, bổ sung phương pháp kế toán cho một số nghiệp vụ kinh tế.

Theo quy định tại Thông tư này, một số chỉ tiêu trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất được trình bày lại, do đó, số đầu năm trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 3 năm 2010 đã được phân loại lại cho phù hợp với việc trình bày theo quy định mới như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG

Địa chỉ: 90 Hùng Vương, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

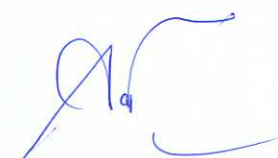

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 1 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Mã số	Số liệu ngày 31/12/2009	Số liệu ngày 01/01/2010
A- Nợ phải trả	300	436.190.646.545	444.050.274.467
I. Nợ ngắn hạn	310	403.804.625.148	411.664.253.070
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	-	7.859.627.922
II. Nợ dài hạn	330	32.386.021.397	32.386.021.397
B- Nguồn vốn chủ sở hữu	400	177.753.746.452	169.894.118.530
I. Vốn chủ sở hữu	410	171.159.605.226	169.894.118.530
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419	1.265.486.696	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430	6.594.141.226	-
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	431	6.594.141.226	-
Tổng cộng nguồn vốn	440	613.944.392.997	613.944.392.997

An Giang, ngày 08 tháng 4 năm 2010


Nguyễn Thị Bích Vân
Kế toán trưởng
Trần Thị Vân Loan
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG

Địa chỉ: 90 Hùng Vương, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 1 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Phụ lục: Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số đầu năm trước	90.000.000.000	117.359.191	2.162.759.126	5.406.897.816	37.075.099.467	134.762.115.600
Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm trước	-	939.869.438	-	-	-	939.869.438
Lợi nhuận tăng trong năm trước	-	-	-	-	50.290.373.481	50.290.373.481
Chia cổ tức năm trước	-	-	-	-	(13.500.000.000)	(13.500.000.000)
Trích các quỹ năm trước	-	-	1.039.295.995	2.598.239.988	(6.235.775.972)	(2.598.239.989)
Số dư cuối năm trước	90.000.000.000	1.057.228.629	3.202.055.121	8.005.137.804	67.629.696.976	169.894.118.530
Số dư đầu năm nay	90.000.000.000	1.057.228.629	3.202.055.121	8.005.137.804	67.629.696.976	169.894.118.530
Chênh lệch tỷ giá tăng trong kỳ	-	6.675.917.475	-	-	-	6.675.917.475
Lợi nhuận tăng trong kỳ	-	-	-	-	23.664.107.835	23.664.107.835
Chia cổ tức trong kỳ	-	-	-	-	-	-
Chênh lệch tỷ giá giảm trong kỳ	-	(3.670.242.051)	-	-	-	(3.670.242.051)
Trích các quỹ trong kỳ	-	-	-	-	-	-
Chi quỹ trong kỳ	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối quý	90.000.000.000	4.062.904.053	3.202.055.121	8.005.137.804	91.293.804.811	196.563.901.789

An Giang, ngày 08 tháng 4 năm 2010



Trần Thị Vân Loan
Tổng Giám đốc

Nguyễn Thị Bích Vân
Kế toán trưởng